

Số: 40A/2017/TB-TAG-HĐQT  
V/v: Công bố Báo cáo tài chính  
Giữa niên độ cho kỳ 6 tháng năm 2017

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần Thế giới số Trần Anh
2. Mã chứng khoán: TAG
3. Trụ sở chính: 1174 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.37666666 Fax: 04.37667708
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Kim Liên - Người được ủy quyền công bố thông tin.

### 6. Nội dung thông tin công bố:

**6.1. Công bố nội dung Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày 30/09/2017 của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Báo cáo tài chính được lập vào ngày 14 /11/2017 bao gồm:**

- Ý kiến của kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 30/09/2017.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 và Công văn giải trình số liệu tại: <http://www.trananh.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.





**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2017



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	0102004703	ngày 11 tháng 3 năm 2002
	0103018927	ngày 8 tháng 8 năm 2007
	0101217009	ngày 25 tháng 5 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	0101217009	ngày 4 tháng 11 năm 2010
--------------------------------	------------	--------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101217009 ngày 25 tháng 7 năm 2016. Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh trên và các bản sửa đổi, bổ sung do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**

<b>Hoạt động Chi nhánh</b>	0101217009-001	ngày 8 tháng 5 năm 2014
	0101217009-002	ngày 21 tháng 8 năm 2014
	0101217009-007	ngày 3 tháng 10 năm 2014
	0101217009-008	ngày 21 tháng 10 năm 2014
	0101217009-009	ngày 13 tháng 11 năm 2014
	0101217009-010	ngày 24 tháng 11 năm 2014
	0101217009-011	ngày 8 tháng 12 năm 2014
	0101217009-012	ngày 5 tháng 3 năm 2015
	0101217009-013	ngày 13 tháng 8 năm 2015
	0101217009-014	ngày 29 tháng 9 năm 2015
	0101217009-015	ngày 26 tháng 10 năm 2015
	0101217009-016	ngày 5 tháng 11 năm 2015
	0101217009-017	ngày 16 tháng 11 năm 2015 <i>(sửa đổi lần 2: ngày 18 tháng 7 năm 2016)</i>
	0101217009-018	ngày 1 tháng 12 năm 2015
	0101217009-019	ngày 14 tháng 6 năm 2016 <i>(sửa đổi lần 2: ngày 27 tháng 10 năm 2016)</i>
	0101217009-020	ngày 22 tháng 6 năm 2016
	0101217009-021	ngày 9 tháng 9 năm 2016
	0101217009-022	ngày 13 tháng 9 năm 2016
	0101217009-023	ngày 20 tháng 9 năm 2016

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**

<b>Địa điểm Kinh doanh</b>	Mã số địa điểm kinh doanh 00010	ngày 15 tháng 7 năm 2015 <i>(chấm dứt ngày 7 tháng 11 năm 2016)</i>
	Mã số địa điểm kinh doanh 00011	ngày 25 tháng 9 năm 2015
	Mã số địa điểm kinh doanh 00012	ngày 2 tháng 10 năm 2015
	Mã số địa điểm kinh doanh 00013	ngày 4 tháng 1 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00015	ngày 1 tháng 8 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00016	ngày 29 tháng 7 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00017	ngày 19 tháng 8 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00018	ngày 23 tháng 9 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00019	ngày 27 tháng 9 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00020	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00021	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00022	ngày 28 tháng 03 năm 2017

Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Địa điểm Kinh doanh trên được cấp bởi các Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh và thành phố Công ty có chi nhánh và địa điểm kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Xuân Kiên Bà Đỗ Thị Thu Hương Ông Okawa Yoshiteru Ông Noguchi Atsushi Ông Nghiêm Xuân Thắng Ông Hoàng Anh Tuấn Ông Bùi Xuân Hùng Bà Đỗ Thị Kim Liên	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Xuân Kiên Bà Đỗ Thị Thu Hương Ông Nghiêm Xuân Thắng Ông Võ Hà Trung Tín	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2017)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền Bà Nguyễn Thị Thu Hiền Bà Vũ Thị Lê Bà Trần Thu Dung	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên (từ ngày 29/4/2017) Thành viên (từ ngày 29/4/2017) Thành viên (đến ngày 15/4/2017)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Chi nhánh Ninh Bình 1 Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang Thành phố Ninh Bình Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam  Chi nhánh Nam Định 107 Quốc lộ 10, Xã Lộc Hòa Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định, Việt Nam  Chi nhánh Bắc Ninh 33 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá Thành phố Bắc Ninh Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  Chi nhánh Phú Thọ 1606A Hùng Vương, Phường Gia Cẩm Thành phố Việt Trì Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam  Chi nhánh Nghệ An 343 Lê Duẩn, Phường Trung Đô Thành phố Vinh Tỉnh Nghệ An, Việt Nam  Chi nhánh Hải Dương Khu 15, Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão Thành phố Hải Dương Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Chi nhánh (tiếp theo)**

Chi nhánh Hải Phòng  
279 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá  
Quận Lê Chân  
Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Giang  
1 Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ  
Thành Phố Bắc Giang  
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chi nhánh Thái Bình  
456 Lý Bôn, Phường Đề Thám  
Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Hóa  
490 Đại Lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương  
Thành phố Thanh Hóa  
Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Chi nhánh Vĩnh Phúc  
Thôn Đôn Hậu, Phường Khai Quang  
Thành phố Vĩnh Yên  
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nam  
Khu TM4 Quốc Lộ 1A, Phường Thanh Châu  
Thành phố Phủ Lý  
Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chi nhánh Quảng Ninh  
Tổ 5, Khu Hòa Lạc, Phường Cẩm Bình  
Thành phố Cẩm Phả  
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Lạng Sơn  
Tổ 4, Khối 5, Thị trấn Cao Lộc  
Huyện Cao Lộc  
Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chi nhánh Yên Bái  
319 Nguyễn Thái Học, Tổ 69, Phường Nguyễn Thái Học  
Thành phố Yên Bái  
Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng  
727 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung  
Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Chi nhánh (tiếp theo)** Chi nhánh Quảng Bình  
22 Quang Trung, Phường Hải Đình  
Thành phố Đồng Hới  
Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Chi nhánh Hà Tĩnh  
173 Hà Huy Tập, Phường Nam Hà  
Thành phố Hà Tĩnh  
Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chi nhánh Quảng Trị  
246 Lê Duẩn, Phường Đông Lễ  
Thành phố Đông Hà  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, được trình bày từ trang 8 đến trang 39, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017, được trình bày từ trang 8 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và các thuyết minh liên quan chưa được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận hay các hình thức đảm bảo nào khác đối với các báo cáo này.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo Soát xét số: 16-02-017-2017-SX



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2017

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2017 VND</b>	<b>1/4/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>620.618.415.857</b>	<b>924.316.416.600</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>29.186.095.332</b>	<b>28.106.429.682</b>
Tiền	111		24.997.461.291	22.248.457.385
Các khoản tương đương tiền	112		4.188.634.041	5.857.972.297
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.325.824.126</b>	<b>317.009.501</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	2.325.824.126	317.009.501
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.328.133.691</b>	<b>34.595.652.970</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.707.437.813	5.381.035.084
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.222.315.544	3.748.825.018
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	38.398.380.334	25.465.792.868
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>521.638.715.530</b>	<b>802.560.998.267</b>
Hàng tồn kho	141		529.032.889.390	810.112.299.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.394.173.860)	(7.551.300.868)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.139.647.178</b>	<b>58.736.326.180</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	15.394.713.359	10.998.090.052
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	8.095.671.601	47.738.236.128
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		649.262.218	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2017 VND</b>	<b>1/4/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>222.276.490.853</b>	<b>260.640.887.843</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>54.106.752.231</b>	<b>55.542.313.221</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	54.106.752.231	55.542.313.221
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111.615.721.407</b>	<b>117.124.310.774</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	107.162.276.019	114.266.246.783
<i>Nguyên giá</i>	222		176.849.203.787	167.626.393.251
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(69.686.927.768)	(53.360.146.468)
Tài sản cố định vô hình	227	13	4.453.445.388	2.858.063.991
<i>Nguyên giá</i>	228		10.054.030.981	7.583.280.981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.600.585.593)	(4.725.216.990)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>331.029.103</b>	<b>6.511.107.735</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	331.029.103	6.511.107.735
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.222.988.112</b>	<b>81.463.156.113</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	56.222.988.112	81.463.156.113
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>842.894.906.710</b>	<b>1.184.957.304.443</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

301  
 CÔNG  
 H NH  
 KP  
 LIÊN



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017**

Mẫu B 02a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng	01	25	1.834.260.261.773	1.975.616.492.242
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.183.474.943	8.734.582.662
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.825.076.786.830</b>	<b>1.966.881.909.580</b>
Giá vốn hàng bán	11		1.570.281.786.267	1.742.807.889.621
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>254.795.000.563</b>	<b>224.074.019.959</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	904.531.029	807.288.379
Chi phí tài chính	22		13.830.914.307	7.031.107.340
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.830.914.307</i>	<i>7.031.107.340</i>
Chi phí bán hàng	25	27	233.925.271.035	191.445.788.292
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	22.034.336.596	21.077.416.291
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(14.090.990.346)</b>	<b>5.326.996.415</b>
Thu nhập khác	31		2.754.987.884	1.083.521.677
Chi phí khác	32		409.410.536	795.658.384
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.345.577.348</b>	<b>287.863.293</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017  
(tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND Chưa soát xét
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(11.745.412.998)	5.614.859.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	2.001.468.906
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(11.745.412.998)	3.613.390.802
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(473)	146

Ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Ngọc Anh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THẾ GIỚI SỐ  
TRẦN ANH  
Đỗ Thị Thu Hường  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
				Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu từ bán hàng	01		2.001.793.361.314	2.167.014.608.661
Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.829.685.005.128)	(2.166.083.663.272)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(81.986.824.957)	(82.460.655.094)
Tiền lãi vay đã trả	04		(13.123.402.183)	(7.675.841.223)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.390.671.568)	(5.910.364.101)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.568.160.892	10.841.544.232
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.422.234.645)	(29.856.256.105)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>62.753.383.725</b>	<b>(114.130.626.902)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.440.957.773)	(38.054.050.907)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(2.508.814.625)	(2.508.387.500)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24		2.500.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		668.807.019	843.834.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.780.965.379)</b>	<b>(39.718.603.761)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017****(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
				Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		904.764.182.445	577.415.174.145
Tiền trả nợ gốc vay	34		(940.806.490.331)	(406.346.625.076)
Tiền trả cổ tức	36		(19.850.444.810)	(22.534.675.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(55.892.752.696)</b>	<b>148.533.873.669</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.079.665.650</b>	<b>(5.315.356.994)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8</b>	<b>28.106.429.682</b>	<b>51.095.077.944</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>29.186.095.332</b>	<b>45.779.720.950</b>

Ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập:

Đỗ Thị Ngọc Anh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Đỗ Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng. Xem chi tiết tại Thuyết minh 2(c).

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 19 chi nhánh và 1.665 nhân viên (1/4/2017: 19 chi nhánh và 1.699 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

12-C  
TY  
HỮU  
MIG  
M-T

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2017, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm từ ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3 theo Công văn số 09/2017/TB-TAG-HĐQT gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 8 tháng 3 năm 2017. Theo đó:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017; và
- Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

**(d) Số liệu so sánh**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ (“VAS 27”), các số liệu so sánh được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ dựa trên các số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2017.

VAS 27 không có hướng dẫn cụ thể để xác định kỳ kế toán mà các số liệu so sánh được trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán tiếp theo kỳ kế toán đầu tiên sau khi thay đổi kỳ kế toán năm như trình bày trong Thuyết minh 2(c). Tuy nhiên, theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), các số liệu so sánh được trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm tiếp theo kỳ kế toán đầu tiên sau khi thay đổi là các số liệu trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ 12 tháng tương đương với kỳ kế toán năm hiện tại.

Dựa vào hướng dẫn trên của Thông tư 200, Ban Giám đốc Công ty tin rằng các số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là các số liệu cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.





**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ nâng cấp, sửa chữa và thi công siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí sửa chữa và nâng cấp siêu thị và chi phí phát triển phần mềm chưa được hoàn thành. Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang khi chưa hoàn thành.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

**(ii) Chi phí trả trước tiền thuê**

Chi phí trả trước tiền thuê thể hiện các khoản chi phí trả trước tiền thuê trong thời gian thuê trên 12 tháng. Các khoản trả trước này là các khoản thuê hoạt động. Chính sách kế toán cho các khoản thuê hoạt động được trình bày trong Thuyết minh 3(o).

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong báo cáo tài chính cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

**5. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

**6. Các sự kiện lớn trong kỳ**

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động thực hiện các giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh dẫn đến tỷ lệ sở hữu trên 25% vốn điều lệ của Công ty và không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo các quy định về chào mua công khai đối với các giao dịch nhận chuyển nhượng đó.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	7.300.453.998	6.866.510.355
Tiền gửi ngân hàng	16.674.483.428	14.362.119.335
Tiền đang chuyển	1.022.523.865	1.019.827.695
Các khoản tương đương tiền	4.188.634.041	5.857.972.297
	<hr/>	<hr/>
	29.186.095.332	28.106.429.682
	<hr/>	<hr/>

**9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Các khoản phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động	182.532.478	3.480.123.591
Các khoản tiền gửi cầm cố tại ngân hàng	17.500.000.000	19.500.000.000
Phải thu hỗ trợ bán hàng và chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	20.394.938.546	2.159.825.660
Phải thu khác	320.909.310	325.843.617
	<b>38.398.380.334</b>	<b>25.465.792.868</b>

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

**11. Hàng tồn kho**

	<b>30/9/2017</b>		<b>1/4/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	2.643.928.265	-	2.808.160.842	-
Hàng hóa	526.388.961.125	(7.394.173.860)	807.304.138.293	(7.551.300.868)
	<b>529.032.889.390</b>	<b>(7.394.173.860)</b>	<b>810.112.299.135</b>	<b>(7.551.300.868)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 có 77.954 triệu VND hàng hóa (1/4/2017: 177.453 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp, sửa chữa và thi công siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	52.038.673.052	11.012.874.636	24.102.038.445	80.472.807.118	167.626.393.251
Tăng trong kỳ	38.000.000	372.920.909	-	3.125.984.392	3.536.905.301
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.335.092.966	969.033.217	-	2.723.713.302	6.027.839.485
Phân loại lại	(697.712.399)	258.330.787	-	439.381.612	-
Xóa sổ	-	(203.253.531)	-	(138.680.719)	(341.934.250)
Số dư cuối kỳ	53.714.053.619	12.409.906.018	24.102.038.445	86.623.205.705	176.849.203.787
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	15.092.688.026	5.156.102.643	8.219.299.415	24.892.056.384	53.360.146.468
Khấu hao trong kỳ	5.013.082.204	1.609.834.075	1.302.721.390	8.738.800.105	16.664.437.774
Phân loại lại	(154.390.542)	145.310.019	-	9.080.523	-
Xóa sổ	-	(203.253.531)	-	(134.402.943)	(337.656.474)
Số dư cuối kỳ	19.951.379.688	6.707.993.206	9.522.020.805	33.505.534.069	69.686.927.768
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	36.945.985.026	5.856.771.993	15.882.739.030	55.580.750.734	114.266.246.783
Số dư cuối kỳ	33.762.673.931	5.701.912.812	14.580.017.640	53.117.671.636	107.162.276.019

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 có một số tài sản với nguyên giá 11.480 triệu VND (1/4/2017: 10.148 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 4.450 triệu VND (1/4/2017: 4.766 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	7.583.280.981
Tăng trong kỳ	1.190.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.280.750.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.054.030.981
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	4.725.216.990
Khấu hao trong kỳ	875.368.603
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.600.585.593
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.858.063.991
Số dư cuối kỳ	4.453.445.388
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 có một số tài sản với nguyên giá 3.697 triệu VND đã khấu hao hết (1/4/2017: 608 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/9/2017 VND</b>	<b>30/9/2016 VND Chưa soát xét</b>
Số dư đầu kỳ	6.511.107.735	13.094.770.500
Tăng trong kỳ	5.406.585.681	33.627.511.432
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.027.839.485)	(13.206.559.606)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.280.750.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.546.835.382)	(5.177.375.602)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(731.239.446)	(658.766.179)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	331.029.103	27.679.580.545
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sửa chữa và nâng cấp siêu thị	100.000.000	5.364.161.959
Chi phí phát triển phần mềm	231.029.103	1.146.945.776
	331.029.103	6.511.107.735

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ và dụng cụ	387.470.982	1.136.872.125
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị	11.497.984.621	6.618.157.877
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.509.257.756	3.243.060.050
	15.394.713.359	10.998.090.052

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước tiền thuê VND</b>	<b>Chi phí trả trước khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	41.608.606.058	33.983.619.579	5.870.930.476	81.463.156.113
Tăng trong kỳ	3.984.506.510	477.600.000	1.473.624.175	5.935.730.685
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.455.849.604	-	1.090.985.778	3.546.835.382
Thanh lý	(279.071.898)	-	-	(279.071.898)
Phân bổ trong kỳ	(17.657.053.762)	(13.769.548.747)	(3.017.059.661)	(34.443.662.170)
	30.112.836.512	20.691.670.832	5.418.480.768	56.222.988.112



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/9/2017		1/4/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	9.657.454.435	1.931.490.887	-	-
	9.657.454.435	1.931.490.887	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2022.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản lỗi tính thuế trên bởi vì không có sự chắc chắn rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các lợi ích thuế của khoản lỗi đó.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

1/4/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Bù trừ với số phải nộp VND	30/9/2017 VND
47.738.236.128	294.736.320.757	(334.378.885.284)	8.095.671.601

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

1/4/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Bù trừ với số phải thu VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/9/2017 VND
-	334.378.885.284	(334.378.885.284)	-	-
1.741.409.350	-	-	(2.390.671.568)	(649.262.218) (*)
-	1.935.726.266	-	(1.935.726.266)	-
1.741.409.350	336.314.611.550	(334.378.885.284)	(4.326.397.834)	(649.262.218)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 được ghi nhận trong Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước tiền điện	2.132.303.017	2.564.171.868
Trích trước chi phí thuê địa điểm	195.000.000	2.125.374.186
Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.364.843.573	5.281.804.084
Các khoản trích trước khác	-	4.911.703.892
	5.692.146.590	14.883.054.030

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	97.360.767	19.947.805.577
Nhận ký quỹ	5.711.384.298	6.857.037.373
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.513.482.919	4.224.348.616
	9.322.227.984	31.029.191.566

**20. Các khoản vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/4/2017</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/9/2017</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	467.095.069.804	904.764.182.445	(940.406.490.331)	431.452.761.918
Vay dài hạn đến hạn trả 20(b)	600.000.000	600.000.000	(400.000.000)	800.000.000
	467.695.069.804	905.364.182.445	(940.806.490.331)	432.252.761.918

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ ngân hàng chịu lãi suất trong kỳ từ 4,7% tới 5,4% (2016: 4,5% tới 6,3%) một năm và được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	3.200.000.000	3.600.000.000
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	. (800.000.000)	(600.000.000)
	2.400.000.000	3.000.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.400.000.000	3.000.000.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ ngân hàng chịu lãi suất trong kỳ 8,6% (2016: 8,6%) một năm và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 4.450 triệu VND (1/4/2017: 4.766 triệu) (Thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/4/2016 - chưa soát xét</b>	226.594.320.000	29.769.848.963	(2.333.755.096)	10.082.930.218	32.324.708.951	296.438.053.036
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	-	-	3.613.390.802	3.613.390.802
Cổ phiếu thường phát hành từ thặng dư vốn cổ phần - chưa soát xét	22.555.590.000	(22.555.590.000)	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu - chưa soát xét	-	(45.454.545)	-	-	-	(45.454.545)
Cổ tức - chưa soát xét	-	-	-	-	(22.556.818.000)	(22.556.818.000)
<b>Số dư tại ngày 30/9/2016 - chưa soát xét</b>	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.333.755.096)	10.082.930.218	13.381.281.753	277.449.171.293
<b>Số dư tại ngày 1/4/2017</b>	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.333.755.096)	10.082.930.218	9.232.155.399	273.300.044.939
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(11.745.412.998)	(11.745.412.998)
<b>Số dư tại ngày 30/9/2017</b>	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.333.755.096)	10.082.930.218	(2.513.257.599)	261.554.631.941

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2017		1/4/2017	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	24.914.991	249.149.910.000	24.914.991	249.149.910.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	24.914.991	249.149.910.000	24.914.991	249.149.910.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(102.614)	(1.026.140.000)	(102.614)	(1.026.140.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	24.812.377	248.123.770.000	24.812.377	248.123.770.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 23. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong một năm	135.845.714.257	129.614.445.796
Trong hai đến năm năm	453.080.675.659	421.960.362.968
Sau năm năm	413.338.911.974	412.844.342.365
	1.002.265.301.890	964.419.151.129

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/9/2017</b>		<b>1/4/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.690	562.448.021	6.386	153.345.464
		562.448.021		153.345.464

**25. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2017</b>	<b>30/9/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	689.275.294	807.237.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	215.255.735	51.079
	904.531.029	807.288.379

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	75.644.652.229	69.613.261.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.149.511.899	10.490.272.481
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	18.205.483.634	13.198.236.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.215.851.399	86.165.266.982
Chi phí bán hàng khác	8.709.771.874	11.978.750.743
	233.925.271.035	191.445.788.292

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	15.066.217.590	15.185.383.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.390.294.478	1.244.730.454
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	370.369.333	539.456.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.915.956.255	2.930.186.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.291.498.940	1.177.658.516
	22.034.336.596	21.077.416.291

**29. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.570.281.786.267	1.742.807.889.621
Chi phí nhân viên	90.710.869.819	84.798.645.359
Chi phí khấu hao và phân bổ công cụ và dụng cụ	36.115.659.344	25.472.696.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.131.807.654	89.095.453.645
Chi phí khác	11.001.270.814	13.156.409.259

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	1.122.971.942
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	878.496.964
	-	2.001.468.906

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.745.412.998)	5.614.859.708
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(2.349.082.600)	1.122.971.942
Chi phí không được khấu trừ thuế	417.591.713	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	878.496.964
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.931.490.887	-
	-	2.001.468.906

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 được dựa trên số (lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kết thúc cùng ngày, chi tiết như sau:

**(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2017</b>	<b>30/9/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	(11.745.412.998)	3.613.390.802

(\*) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông của Công ty không bao gồm số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi vì quỹ này chưa được trích lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017. Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Số cổ phiếu</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2017</b>	<b>30/9/2016</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	24.812.377	22.556.818
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	2.255.559
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	24.812.377	24.812.377

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2017</b>	<b>30/9/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(473)	146

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/9/2017 VND</b>	<b>30/9/2016 VND Chưa soát xét</b>
<b>Các cổ đông</b>		
<b>Ông Trần Xuân Kiên</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	5.123.700.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	5.123.709.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	4.508.863.200	-
<b>Bà Đỗ Thị Thu Hường</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	4.837.720.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	4.837.725.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	4.257.197.600	-
<b>Nojima Corporation</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	6.981.350.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	6.981.353.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	6.143.590.400	-
Thanh toán phí tư vấn	3.703.488.499	2.501.789.691
<b>Bà Đỗ Thị Kim Liên</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	1.012.580.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	1.012.588.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	1.171.076.800	-
<b>Ông Hoàng Anh Tuấn</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	472.900.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	472.904.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	416.155.200	-
<b>Ông Nghiêm Xuân Thắng</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	173.990.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	173.990.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	153.111.200	-
<b>Ông Bùi Xuân Hùng</b>		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	139.530.000
Cổ tức công bố tháng 4/2016 và trả tháng 7/2016	-	139.533.000
Cổ tức công bố tháng 3/2017 và trả tháng 4/2017	122.788.800	-

**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/9/2016</b>
	<b>30/9/2017</b>	<b>30/9/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b> <b>(không bao gồm số tiền thuyết minh trong Ban Giám đốc)</b>		
Lương và thưởng	1.501.573.674	1.644.409.670
Thù lao	236.700.000	189.631.834
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	1.555.897.809	1.299.205.232

---



**Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Vốn lưu động thuần**

	<b>30/9/2017</b>	<b>1/4/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.186.095.332	28.106.429.682
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.325.824.126	317.009.501
Các khoản phải thu ngắn hạn	43.328.133.691	34.595.652.970
Hàng tồn kho	521.638.715.530	802.560.998.267
Tài sản ngắn hạn khác	24.139.647.178	58.736.326.180
	<hr/>	<hr/>
	620.618.415.857	924.316.416.600
<b>Nợ ngắn hạn</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	(116.779.889.037)	(370.035.091.371)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(1.711.659.773)	(7.090.261.231)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	(1.741.409.350)
Phải trả người lao động	(12.942.108.078)	(13.982.700.762)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(5.692.146.590)	(14.883.054.030)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(209.363.636)	(2.170.363.637)
Phải trả ngắn hạn khác	(9.322.227.984)	(31.029.191.566)
Vay ngắn hạn	(432.252.761.918)	(467.695.069.804)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.117.753)	(30.117.753)
	<hr/>	<hr/>
	(578.940.274.769)	(908.657.259.504)
	<hr/>	<hr/>
<b>Vốn lưu động thuần</b>	41.678.141.088	15.659.157.096

Vốn lưu động thuần tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 được tính bằng số chênh lệch giữa Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn<sup>1</sup> tại ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hay các quy định pháp lý khác không yêu cầu trình bày thuyết minh này. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin rằng đây là thông tin hữu ích đối với người dùng báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017

Người lập:



**Đỗ Thị Ngọc Anh**  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



**Đỗ Thị Thu Hương**  
*Phó Tổng Giám đốc*

<sup>1</sup> Công thức dựa vào Học viện Tài chính, Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp, Nhà Xuất bản Tài chính, trang 95.